



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

CÔNG TY CỔ
PHẦN XÂY
DỰNG HẠ
TẦNG CII

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN
XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII

DN:

Tháng 3 năm 2018

OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:

0304200346, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN

XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII, L=TPHCM,

C=VN

Reason: I am the author of this document

Location:

Date: 2018-03-29 10:38:05

Foxit Reader Version: 9.0.0

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7 - 8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	9 - 40

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Vũ Hoàng	Chủ tịch
Ông Phạm Vũ Thức	Phó Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 10 tháng 3 năm 2018)
Ông Ngô Đình Thành	Phó Chủ tịch
Ông Lê Quốc Bình	Thành viên
Ông Phạm Vũ Thức	Thành viên (miễn nhiệm ngày 10 tháng 3 năm 2018)
Ông Mai Thanh Trúc	Thành viên
Ông Hồ Đắc Hậu	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Phùng Văn Hiền	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 10 tháng 3 năm 2018)
Ông Phạm Vũ Thức	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 10 tháng 3 năm 2018)
Ông Nguyễn Trường Thanh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phùng Văn Hiền	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 10 tháng 3 năm 2018)
Ông Phạm Tiến Đức	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 15 tháng 3 năm 2018)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty cử trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Trong việc lập các báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Phùng Văn Hiền
Tổng Giám đốc

Ngày 26 tháng 3 năm 2018



Số: 706/2018/BCKT-IFCHCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**
Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 26 tháng 3 năm 2018, từ trang 4 đến trang 40, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

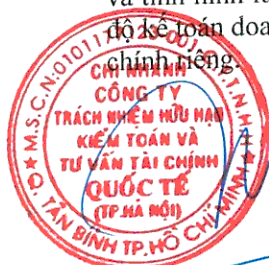
Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.



Lương Giang Thạch
Phó Giám đốc chi nhánh
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2178-2018-072-1
Tp. Hồ Chí Minh, Ngày 26 tháng 3 năm 2018



Phạm Thị Toan
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2767-2014-072-1

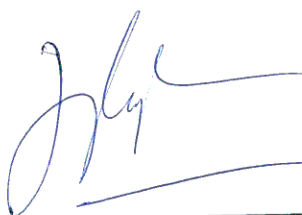
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: VND	
			31/12/2017	01/01/2017
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.297.057.929.457	1.093.459.794.646
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	95.472.356.908	27.225.375.665
1. Tiền	111		85.472.356.908	25.980.237.725
2. Các khoản tương đương tiền	112		10.000.000.000	1.245.137.940
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		161.001	161.001
1. Chứng khoán kinh doanh	121		161.001	161.001
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		717.522.430.930	724.358.120.000
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	140.754.823.130	215.165.928.270
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	231.145.139.506	208.363.247.690
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	197.574.190.058	175.070.876.025
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	9.a	151.180.748.846	128.059.189.637
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(3.132.470.610)	(2.301.121.622)
IV. Hàng tồn kho	140	11	478.112.068.354	336.946.955.920
1. Hàng tồn kho	141		478.112.068.354	336.946.955.920
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		5.950.912.264	4.929.182.060
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12.a	160.946.581	142.083.741
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		5.789.965.683	4.787.098.319
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		292.385.771.316	124.305.771.848
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		4.194.520.841	17.865.864.841
1. Phải thu dài hạn khác	216	9.b	4.194.520.841	17.865.864.841
II. Tài sản cố định	220		36.078.671.120	26.757.478.806
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	8.342.202.027	6.846.839.461
- Nguyên giá	222		25.035.138.252	21.066.138.252
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(16.692.936.225)	(14.219.298.791)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	14	27.701.501.067	19.855.671.319
- Nguyên giá	225		33.309.876.347	21.672.603.620
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(5.608.375.280)	(1.816.932.301)
3. Tài sản cố định vô hình	227	15	34.968.026	54.968.026
- Nguyên giá	228		160.000.000	160.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(125.031.974)	(105.031.974)
III. Bất động sản đầu tư	230	16	4.997.156.733	5.284.084.812
- Nguyên giá	231		5.836.987.368	6.879.035.896
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(839.830.635)	(1.594.951.084)
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250		232.610.000.000	57.410.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251	17	112.610.000.000	57.410.000.000
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	18	120.000.000.000	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		14.505.422.622	16.988.343.389
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12.b	14.505.422.622	16.988.343.389
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.589.443.700.773	1.217.765.566.494

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.123.266.451.239	752.673.986.514
I. Nợ ngắn hạn	310		1.112.909.282.749	741.861.661.775
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	19	86.827.150.214	59.171.424.551
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	20	311.191.455.883	126.531.678.934
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	21	7.680.424.096	3.224.482.537
4. Phải trả người lao động	314		2.032.950.857	1.906.486.113
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	22	2.672.481.517	1.483.386.683
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	7.800.000.000
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	23	67.233.591.831	46.740.221.190
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	24	635.271.228.351	495.003.981.767
II. Nợ dài hạn	330		10.357.168.490	10.812.324.739
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	25	10.357.168.490	10.812.324.739
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		466.177.249.534	465.091.579.980
I. Vốn chủ sở hữu	410	26	466.177.249.534	465.091.579.980
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		415.000.000.000	415.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		415.000.000.000	415.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		400.000.000	400.000.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		6.555.530.896	6.491.138.089
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		44.221.718.638	43.200.441.891
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		-	538.776.665
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		44.221.718.638	42.661.665.226
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.589.443.700.773	1.217.765.566.494


Nguyễn Thị Khánh Phương
Người lập biểu
Ngày 26 tháng 3 năm 2018


Bùi Xuân Phước
Kế toán trưởng

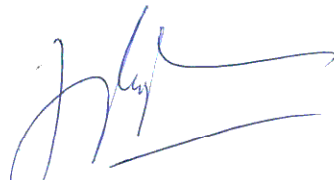



Phùng Văn Hiền
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2017	2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	27	542.725.486.830	789.755.729.949
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		542.725.486.830	789.755.729.949
4. Giá vốn hàng bán	11	28	448.315.037.045	701.799.343.365
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		94.410.449.785	87.956.386.584
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	44.808.704.968	37.347.055.940
7. Chi phí tài chính	22	30	57.026.877.475	36.687.534.511
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		57.026.877.475	36.687.534.511
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	31	25.509.136.764	21.870.973.772
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		56.683.140.514	66.744.934.241
10. Thu nhập khác	31	32	163.119.657	1.262.302.686
11. Chi phí khác	32	33	782.636.241	1.379.675.470
12. Lỗ khác (40 = 31 - 32)	40		(619.516.584)	(117.372.784)
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		56.063.623.930	66.627.561.457
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	34	11.841.905.292	13.170.545.224
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		44.221.718.638	53.457.016.233


Nguyễn Thị Khánh Phương
Người lập biểu
Ngày 26 tháng 3 năm 2018


Bùi Xuân Phước
Kế toán trưởng




Phùng Văn Hiền
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2017	2016
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	56.063.623.930	66.627.561.457
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	6.289.452.913	5.421.629.152
Các khoản dự phòng	03	831.348.988	889.528.479
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(44.526.149.389)	(40.672.981.445)
Chi phí lãi vay	06	57.026.877.475	35.558.255.148
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	75.685.153.917	67.823.992.791
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	47.398.432.557	(43.224.305.021)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(141.165.112.434)	99.194.113.930
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	183.951.736.926	(128.195.672.881)
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	2.464.057.927	(12.147.080.900)
Tiền lãi vay đã trả	14	(50.830.674.818)	(39.902.382.679)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(8.326.449.633)	(31.771.478.665)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(957.590.000)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	108.219.554.442	(88.222.813.425)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(4.143.000.000)	(1.576.454.545)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	2.531.914.129
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(367.000.000.000)	(260.369.004.831)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	15.583.188.649	71.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(1.000.000.000)	(16.000.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	17.769.993.149
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	(19.250.169.761)	36.708.691.663
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(375.809.981.112)	(149.934.860.435)

Đơn vị: VND

Thông tin bổ sung cho Báo cáo lưu chuyển tiền tệ:

Dòng tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của các đơn vị khác (Mã số 23) bao gồm tiền chi hỗ trợ vốn cho Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (“Công ty CII”) là 247 tỷ và tiền chi mua trái phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội là 120 tỷ. (Chi tiết xem tại thuyết minh số 36)

Nguyễn Thị Khánh Phương
Người lập biểu
Ngày 26 tháng 3 năm 2018

Bùi Xuân Phước
Kế toán trưởng

Phùng Văn Hiến
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII (gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0304200346 cấp lần đầu ngày 19 tháng 1 năm 2006 bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh và qua các lần thay đổi.

Vốn điều lệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 415 tỷ VND, được chia thành 41,5 triệu cổ phần bằng nhau, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Công ty mẹ của Công ty là Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (“Công ty CII”)

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 132 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 128).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là: Xây dựng, kinh doanh, chuyển giao công nghệ công trình giao thông theo hình thức hợp đồng B.O.T; xây dựng công trình đường sắt, đường bộ; xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; công trình công ích; cho thuê máy móc, thiết bị; khai thác cát, đá, sỏi, đất sét; sản xuất bê tông và các thành phẩm từ xi măng, thạch cao; tư vấn kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan; sản xuất vật liệu xây dựng, gia công dầm cầu thép, cấu kiện thép, sản phẩm cơ khí khác; sửa chữa máy móc, thiết bị thi công; phá dỡ, chuẩn bị mặt bằng và các ngành nghề khác được quy định trong giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Hoạt động chính của Công ty trong năm là thi công xây lắp, mua bán vật tư xây dựng, cho thuê máy móc thiết bị.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Các sự kiện quan trọng đã xảy ra trong năm

Vào ngày 20 tháng 2 năm 2017, Công ty đã hoàn tất việc nhận chuyển nhượng 99,81% cổ phần của Công ty Cổ phần Cơ khí Điện Lử Gia từ Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII theo hợp đồng chuyển nhượng đã ký ngày 06 tháng 10 năm 2014.

Ngày 15 tháng 5 năm 2017, Công ty đã chính thức niêm yết toàn bộ cổ phiếu tại Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM.

Ngày 18 tháng 5 năm 2017, Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (“CII”) đã thực hiện thành công giao dịch mua 830.000 cổ phần của Công ty, nâng tỷ lệ sở hữu từ 49% lên 51%, do đó Công ty trở thành công ty con của CII kể từ ngày này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (tiếp theo)

Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty đang đầu tư vào các công ty con sau:

Công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
1. Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi	Tỉnh Quảng Ngãi	100%	100%	Khai thác, sản xuất kinh doanh các loại đất, đá
2. Công ty TNHH MTV Xây dựng dân dụng CII E&C	Tp. Hồ Chí Minh	100%	100%	Buôn bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng
3. Công ty TNHH MTV Xây dựng Dân dụng CII E&C	Tp. Hồ Chí Minh	100%	100%	Xây dựng công trình kỹ thuật
4. Công ty Cổ phần Cơ khí Điện Lữ Gia	Tp. Hồ Chí Minh	99,81%	99,81%	Sản xuất, lắp đặt thiết bị điện; kinh doanh bất động sản

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của chuẩn mực kế toán Việt Nam trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hình thức kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tồn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”, Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Máy móc và thiết bị	3 - 10
Phương tiện vận tải	8 - 12
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 - 10

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ khi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Công ty về chi phí đi vay.

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Công ty hoặc trên thời gian đi thuê, trong trường hợp thời gian này ngắn hơn, cụ thể như sau:

Số năm

Máy móc và thiết bị

8

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty là giá trị của phần mềm máy tính, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 5 năm.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng, vật kiến trúc do công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ suy giảm giá trị. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, Công ty không trích khấu hao mà xác định tồn thất do giảm giá trị.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng thành bất động sản đầu tư hoặc từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu hoặc hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng. Bất động sản chủ sở hữu sử dụng chuyển thành bất động sản đầu tư khi chủ sở hữu kết thúc sử dụng tài sản đó và khi bên khác thuê hoạt động. Bất động sản đầu tư chuyển thành bất động sản chủ sở hữu khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này. Bất động sản đầu tư chuyển thành hàng tồn kho khi chủ sở hữu bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Hàng tồn kho chuyển thành bất động sản đầu tư khi chủ sở hữu bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động. Bất động sản xây dựng chuyển thành bất động sản đầu tư khi kết thúc giai đoạn xây dựng, bàn giao đưa vào đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Bất động sản đầu tư (tiếp theo)

Việc chuyển đổi mục đích sử dụng giữa bất động sản đầu tư với bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi giá trị ghi sổ của tài sản được chuyển đổi và không làm thay đổi nguyên giá của bất động sản trong việc xác định giá trị hay để lập báo cáo tài chính.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các khoản chi phí trả trước của Công ty bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, ... và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ và các khoản phải trả khác không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ. Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày lập báo cáo tài chính riêng.

Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát sinh và mệnh giá cổ phiếu phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Nguyên tắc trích lập các khoản dự trữ, các quỹ từ lợi nhuận sau thuế căn cứ vào Điều lệ của Công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thưởng thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Ghi nhận giá vốn

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ được ghi nhận theo giá trị thực tế phát sinh và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng. Các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

Giá vốn từ hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo tỷ lệ giữa phần khối lượng công việc đã được nghiệm thu so với tổng khối lượng công việc đã thực hiện.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mỗi quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt	1.140.173	922.285
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	85.471.216.735	25.979.315.440
Các khoản tương đương tiền (i)	10.000.000.000	1.245.137.940
Cộng	95.472.356.908	27.225.375.665

(i) Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Thành có thời hạn gốc không quá ba (03) tháng và hưởng lãi suất 9%/năm.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Xây dựng Dân Dụng CII E&C	37.832.263.735	-
Công ty TNHH MTV BOT Tỉnh Ninh Thuận	17.199.603.370	666.037.105
Ban Quản lý Dự án đường Hồ Chí Minh	14.847.188.802	17.579.940.802
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại 592	13.657.789.253	7.002.023.268
Công ty TNHH Xây dựng Nền móng Tam Đạt	12.986.962.232	9.080.796.341
Công ty Cổ Phần Đầu Tư Xây Dựng Tuấn Lộc	11.943.380.934	-
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	-	49.018.200.071
Công ty Cổ Phần Hạ Tầng Nước Sài Gòn	-	73.620.073.257
Phải thu các khách hàng khác	32.287.634.804	58.198.857.426
Cộng	140.754.823.130	215.165.928.270
<i>Trong đó: Phải thu khách hàng là các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 36 - Bên liên quan)</i>	<i>60.397.936.271</i>	<i>127.859.290.580</i>

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Vật liệu Xây dựng CII E&C	97.680.609.040	51.308.947.077
Công ty TNHH Xây Dựng Nền Móng Tam Đạt	44.507.603.081	24.078.730.487
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại 592	31.544.135.565	26.927.270.540
Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi	28.912.262.655	20.928.270.297
Công ty Cổ phần Teracons	16.629.150.063	-
Các đối tượng khác	11.871.379.102	85.120.029.289
Cộng	231.145.139.506	208.363.247.690
<i>Trong đó: Trả trước cho người bán là các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 36 - Bên liên quan)</i>	<i>126.628.421.695</i>	<i>149.741.493.824</i>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh	197.574.190.058	175.070.876.025
<i>Trong đó: Phải thu về cho vay là các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 36 - Bên liên quan)</i>	<i>197.574.190.058</i>	<i>175.070.876.025</i>

Khoản hỗ trợ vốn cho CII được thực hiện theo hợp đồng hợp tác kinh doanh ký ngày 22 tháng 10 năm 2016 và phụ lục hợp đồng ký ngày 21 tháng 03 năm 2017 với hạn mức hỗ trợ là 410 tỷ VND. Lãi suất cho vay được áp dụng theo lãi suất cao nhất trong năm của tổ chức tín dụng mà Công ty có giao dịch vay. Lãi suất được hưởng hiện tại là 8%/năm.

9. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
a. Phải thu ngắn hạn		
Tạm ứng vốn cho các đội thi công các công trình xây dựng	67.906.062.772	33.148.333.927
Ký cược, ký quỹ,	29.988.223.999	1.450.560.506
Cổ tức, lợi nhuận phải thu	20.186.053.082	2.599.994.417
Phải thu về lãi trái phiếu, lãi tiền gửi và lãi cho vay	18.420.076.305	-
Các khoản chi hộ	9.671.468.410	7.733.630.001
Thuế GTGT chờ kê khai của TSCĐ		
thuê tài chính	1.806.816.184	1.614.615.226
Phải thu người lao động	1.666.229.422	762.604.798
Góp vốn hợp tác kinh doanh	711.872.739	1.091.362.698
Trả trước tiền mua cổ phần	-	78.000.000.000
Các khoản phải thu khác	823.945.933	1.658.088.064
Cộng	151.180.748.846	128.059.189.637
b. Phải thu dài hạn		
Ký cược, ký quỹ	4.194.520.841	17.865.864.841
Cộng các khoản phải thu	155.375.269.687	145.925.054.478
<i>Trong đó: Phải thu khác là các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 36 - Bên liên quan)</i>	<i>38.038.129.704</i>	<i>80.576.474.417</i>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

10. NỢ XẤU

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Phải thu khách hàng	2.919.523.564	80.536.678	2.763.646.207	2.301.121.622
Ứng trước cho nhà cung cấp	419.262.463	125.778.739	-	-
Cộng	3.338.786.027	206.315.417	2.763.646.207	2.301.121.622

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

11. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	24.090.064.492	-	60.278.358.363	-
Chi phí thi công các công trình xây dựng dở dang	454.022.003.862	-	276.668.597.557	-
<i>Công trình thi công mở rộng Xa Lộ Hà Nội</i>	<i>183.998.036.760</i>	<i>-</i>	<i>17.841.907.146</i>	<i>-</i>
<i>Công trình thi công đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận</i>	<i>131.101.804.673</i>	<i>-</i>	<i>54.526.279.948</i>	<i>-</i>
<i>Công trình thi công xây dựng đoạn 1 - Quốc lộ 60</i>	<i>77.129.027.496</i>		<i>6.086.293.129</i>	
<i>Công trình thi công hạ tầng khu đô thị Thủ Thiêm</i>	<i>34.188.824.411</i>	<i>-</i>	<i>161.178.043.530</i>	<i>-</i>
<i>Công trình thi công mở rộng tuyến tránh Phan Rang - Tháp Chàm tỉnh Ninh Thuận, giai đoạn 2</i>	<i>3.084.146.904</i>	<i>-</i>	<i>25.124.704.918</i>	<i>-</i>
<i>Công trình thi công nhà máy cấp thoát nước huyện Củ Chi</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>9.559.367.603</i>	<i>-</i>
<i>Các công trình khác</i>	<i>24.520.163.618</i>	<i>-</i>	<i>2.352.001.283</i>	<i>-</i>
Cộng	478.112.068.354	-	336.946.955.920	-

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
a. Ngắn hạn		
Chi phí công cụ, dụng cụ xuất dùng	119.725.681	100.862.841
Chi phí thuê tài sản trả trước	41.220.900	41.220.900
Cộng	160.946.581	142.083.741
b. Dài hạn		
Chi phí làm đường công vụ thực hiện dự án	9.810.746.827	-
Chi phí công cụ, dụng cụ xuất dùng	3.190.916.250	4.279.123.880
Chênh lệch giữa giá trị còn lại và giá trị thanh lý của TSCĐ bán và thuê lại theo hợp đồng thuê tài chính	1.503.759.545	3.007.519.091
Chi phí thuế thiết bị	-	9.701.700.418
Cộng	14.505.422.622	16.988.343.389

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2017	10.721.230.800	9.608.607.452	736.300.000	21.066.138.252
Mua trong năm	100.000.000	3.873.000.000	49.000.000	4.022.000.000
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(53.000.000)	(53.000.000)
Tại ngày 31/12/2017	10.821.230.800	13.481.607.452	732.300.000	25.035.138.252
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2017	8.303.016.935	5.456.072.871	460.208.985	14.219.298.791
Khấu hao trong năm	1.216.945.371	1.196.735.210	64.329.353	2.478.009.934
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(4.372.500)	(4.372.500)
Tại ngày 31/12/2017	9.519.962.306	6.652.808.081	520.165.838	16.692.936.225
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2017	2.418.213.865	4.152.534.581	276.091.015	6.846.839.461
Tại ngày 31/12/2017	1.301.268.494	6.828.799.371	212.134.162	8.342.202.027

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 7.636.736.262 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 6.050.263.786 VND).

Công ty đã sử dụng một số máy móc thiết bị và phương tiện vận tải để thế chấp cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Long. Nguyên giá và khấu hao lũy kế của các tài sản được thế chấp tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 lần lượt là 7.357.307.925 VND và 5.496.225.555 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 4.151.515.196 VND và 3.477.430.728 VND). (Chi tiết xem tại thuyết minh số 24)

14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Máy móc thiết bị VND
NGUYÊN GIÁ	
Tại ngày 01/01/2017	21.672.603.620
Thuê trong kỳ	11.637.272.727
Tại ngày 31/12/2017	33.309.876.347
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Tại ngày 01/01/2017	1.816.932.301
Khấu hao trong kỳ	3.791.442.979
Tại ngày 31/12/2017	5.608.375.280
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày 01/01/2017	19.855.671.319
Tại ngày 31/12/2017	27.701.501.067

Tài sản thuê tài chính bao gồm các máy móc thiết bị đi thuê theo các hợp đồng thuê tài chính ký với Công ty TNHH Cho Thuê Tài Chính Quốc Tế Việt Nam. (Chi tiết xem tại thuyết minh số 25).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

15. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm vi tính VND
NGUYÊN GIÁ	
Tại ngày 01/01/2017	160.000.000
Tại ngày 31/12/2017	160.000.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Tại ngày 01/01/2017	105.031.974
Khấu hao trong kỳ	20.000.000
Tại ngày 31/12/2017	125.031.974
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày 01/01/2017	54.968.026
Tại ngày 31/12/2017	34.968.026

16. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Quyền sử dụng đất VND	Giá trị nhà trên đất VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2017	5.836.987.368	1.042.048.528	6.879.035.896
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.042.048.528)	(1.042.048.528)
Tại ngày 31/12/2017	5.836.987.368	-	5.836.987.368
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2017	839.830.635	755.120.449	1.594.951.084
Thanh lý, nhượng bán	-	(755.120.449)	(755.120.449)
Tại ngày 31/12/2017	839.830.635	-	839.830.635
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2017	4.997.156.733	286.928.079	5.284.084.812
Tại ngày 31/12/2017	4.997.156.733	-	4.997.156.733

Bất động sản đầu tư là giá trị đất và nhà văn phòng cho thuê tại địa chỉ số 29/3, đường D2, phường 2, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh. Lô đất có thời hạn sử dụng là 50 năm, sẽ hết hạn sử dụng vào ngày 19 tháng 1 năm 2056 theo Quyết định số 1218/QĐ-UBND ngày 18 tháng 03 năm 2010 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong năm, công ty đã thu hồi lại nhà và miếng đất đang cho thuê đồng thời đã phá bỏ toàn bộ ngôi nhà trên đất, vì vậy, công ty đã ghi giảm giá trị toàn bộ của căn nhà và không thực hiện trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất này.

Giá trị quyền sử dụng đất đã được được thế chấp cho khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Long (Chi tiết xem tại thuyết minh số 24).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

16. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ (tiếp theo)

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính. Để xác định được giá trị hợp lý này, Công ty sẽ phải thuê một công ty tư vấn độc lập đánh giá giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư. Hiện tại, Công ty chưa tìm được công ty tư vấn phù hợp để thực hiện công việc này. Tuy nhiên, dựa trên tình hình kinh doanh thực tế, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý của tài sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại vào ngày này.

17. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2017				01/01/2017			
	Số lượng Cổ phần	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Số lượng Cổ phần	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty Cổ phần Cơ khí Điện Lữ Gia (i)	7.800.000	55.200.000.000	-	-	-	-	-	-
Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi		40.000.000.000	-	-		40.000.000.000	-	-
Công ty TNHH MTV Vật liệu Xây dựng CII E&C		10.000.000.000	-	-		10.000.000.000	-	-
Công ty TNHH MTV Xây dựng Dân dụng CII E&C		7.410.000.000	-	-		7.410.000.000	-	-
		112.610.000.000	-	-		57.410.000.000	-	-

- (i) Như đã trình bày tại thuyết minh số 1, vào ngày 20 tháng 2 năm 2017, Công ty đã hoàn tất việc nhận chuyển nhượng 7.800.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Cơ khí Điện Lữ Gia từ Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII theo hợp đồng chuyển nhượng đã ký ngày 06 tháng 10 năm 2014, toàn bộ giá trị khoản ứng trước về mua cổ phần được ghi nhận vào giá trị của khoản đầu tư (78 tỷ); đồng thời, cổ tức được nhận từ Công ty trước thời điểm chuyển giao (bao gồm: cổ tức được chia từ lợi nhuận sau thuế của năm 2015 là 7,8 tỷ và cổ tức được chia từ lợi nhuận sau thuế của năm 2016 là 15 tỷ) đã được ghi nhận giảm giá trị của khoản đầu tư.

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào công ty con tại ngày kết thúc năm tài chính do các công ty con này chưa thực hiện niêm yết cổ phiếu trên các thị trường chứng khoán. Đồng thời do các quy định hiện hành chưa có các hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào công ty con nêu trên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

18. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Đầu tư trái phiếu	120.000.000.000	-

Vào ngày 19 tháng 5 năm 2017, Công ty đã mua trái phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội với tổng giá trị là 120.000.000.000 đồng bao gồm 120 trái phiếu, mệnh giá mỗi trái phiếu là 1 tỷ đồng, kỳ hạn trái phiếu là 5 năm (đáo hạn ngày 19 tháng 5 năm 2022) theo lãi suất thả nổi, 3 tháng điều chỉnh 1 lần bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng dành cho cá nhân được công bố bởi Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam + biên độ 3,2%/năm.

19. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng thanh toán VND	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng thanh toán VND
Công ty TNHH MTV Xây dựng Dân dụng CII E&C	55.011.246.399	55.011.246.399	-	-
Công ty TNHH Xây dựng Fico Corea	6.506.067.037	6.506.067.037	6.092.689.472	6.092.689.472
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro	5.000.000.000	5.000.000.000	12.503.702.630	12.503.702.630
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng BMT	1.734.262.119	1.734.262.119	6.620.111.558	6.620.111.558
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại An Phú Thành	-	-	9.227.568.100	9.227.568.100
Đối tượng khác	18.575.574.659	18.575.574.659	24.727.352.791	24.727.352.791
Cộng	86.827.150.214	86.827.150.214	59.171.424.551	59.171.424.551

*Trong đó: Phải trả
người bán là các bên
liên quan (chi tiết tại
Thuyết minh số 36 -
Bên liên quan*

63.338.227.686

12.516.545.630

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CH
185 đường Hoa Lan, phường 2, quận Phú Nhuận
Thành phố Hồ Chí Minh

MẪU SỐ B 09 - DN
Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

20. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Và Xây dựng Xa Lộ Hà Nội	241.075.263.282	-
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	21.985.982.226	-
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	21.787.546.006	-
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hoa Lư	15.901.848.500	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ Thuật TP.HCM	-	113.777.119.094
Đối tượng khác	10.440.815.869	12.754.559.840
Cộng	311.191.455.883	126.531.678.934
<i>Trong đó: Người mua trả tiền trước là các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 36 - Bên liên quan)</i>	<i>284.848.791.514</i>	<i>120.784.531.428</i>

21. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2017 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	31/12/2017 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.581.480.532	11.841.905.292	8.326.449.633	6.096.936.191
Thuế thu nhập cá nhân	643.002.005	1.689.818.604	749.332.704	1.583.487.905
Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
Các khoản phải nộp khác	-	527.959.580	527.959.580	-
Cộng	3.224.482.537	14.062.683.476	9.606.741.917	7.680.424.096

22. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Chi phí lãi vay phải trả	2.672.481.517	1.483.386.683

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

23. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Bảo hiểm xã hội	2.934.670	1.500.459.174
Bảo hiểm y tế	-	85.581.500
Bảo hiểm thất nghiệp	-	37.590.148
Các khoản thu hộ các nhà thầu thi công Quốc lộ 1, tỉnh Ninh Thuận	19.499.026.442	23.842.307.577
Phải trả các đội giao khoán thi công các công trình xây dựng	5.910.694.366	19.150.275.544
Phải trả về lãi hỗ trợ kinh doanh và hợp tác đầu tư	69.444.444	69.444.444
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	40.637.580.100	11.962.113
Phải trả về mua cổ phần	410.000.000	1.410.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	703.911.809	632.600.690
Cộng	67.233.591.831	46.740.221.190
<i>Trong đó: Phải trả khác là các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 36 - Bên liên quan)</i>	<i>21.257.055.497</i>	<i>-</i>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

24. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2017			Phát sinh trong năm			01/01/2017		
	Giá trị có khả năng						Giá trị có khả năng		
	Nợ gốc VND	Thanh toán VND	Tăng VND	Giảm VND	Nợ gốc VND	Thanh toán VND	Nợ gốc VND	Thanh toán VND	
Vay ngắn hạn	625.876.356.271	625.876.356.271	926.246.688.108	788.720.060.021	488.349.728.184	488.349.728.184			
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Long (i)	308.201.197.464	308.201.197.464	557.753.255.874	540.164.377.171	290.612.318.761	290.612.318.761			
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 11, TP. Hồ Chí Minh (ii)	198.930.441.987	198.930.441.987	249.748.715.414	188.555.682.850	137.737.409.423	137.737.409.423			
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (iii)	118.744.716.820	118.744.716.820	118.744.716.820	60.000.000.000	60.000.000.000	60.000.000.000			
Nợ thuế tài chính dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số 25)	9.394.872.080	9.394.872.080					6.654.253.583	6.654.253.583	
Cộng	635.271.228.351	635.271.228.351	926.246.688.108	788.720.060.021	495.003.981.767	495.003.981.767			

(i) Số dư nợ vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Long là khoản vay theo hợp đồng tín dụng ký ngày 10 tháng 3 năm 2017 với hạn mức vay ngắn hạn là 500.000.000.000 VND và bảo lãnh tối đa là 300.000.000.000 VND. Kỳ hạn của các khoản vay là từ dưới 6 tháng. Lãi suất vay cho các khoản vay còn nợ tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính trong khoảng 6% - 7,5%/năm. Mục đích vay là để bổ sung vốn lưu động và thực hiện bảo lãnh thi công các công trình xây dựng. Công ty đã sử dụng quyền sử dụng đất và nhà văn phòng cho thuê tại số 29/3, đường D2, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh; hệ thống đúc hẫng; xe ô tô Honda (CRV) mang biển số 51A-835.2; xe ô tô Ford (RANGER) mang biển số 51C-394.48 và xe ô tô Hyundai (SANTAFE) biển số: 51A-856.54 để đảm bảo cho khoản vay này.

(ii) Số dư nợ vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 11, Thành phố Hồ Chí Minh là khoản vay được thực hiện theo hợp đồng tín dụng ký ngày 3 tháng 7 năm 2017 với hạn mức vay là 250.000.000.000 VND. Kỳ hạn của mỗi khoản vay là không quá 6 tháng. Lãi suất cho vay của các khoản vay còn dư nợ là 7,5%/năm và được điều chỉnh định kỳ mỗi tháng. Mục đích vay là để bổ sung vốn lưu động. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là quyền đòi nợ và thụ hưởng số tiền đòi nợ của các công trình xây dựng mà Công ty đã sử dụng vốn vay để thi công.

(iii) Số dư nợ vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh là khoản vay theo hợp đồng cấp tín dụng ký ngày 11 tháng 5 năm 2017 với hạn mức vay là 120.000.000.000 VND, thời hạn của mỗi khoản vay là không quá 12 tháng. Số dư nợ vay sẽ đáo hạn vào ngày 22 tháng 3 năm 2018. Lãi suất vay được quy định cụ thể theo từng khế ước nhận nợ tuy nhiên không thấp hơn lãi suất ưu đãi của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh quy định theo từng thời kỳ. Lãi suất đang áp dụng cho số dư nợ vay là 7,5%/năm. Mục đích của khoản vay là để bảo lãnh và phát hành thư tín dụng để bảo đảm việc thực hiện nghĩa vụ của CII E&C với bên thứ 3. Công ty sử dụng tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn tương đương trị giá 15 tỷ VND để đảm bảo cho khoản vay này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

25. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2017				01/01/2017			
	Nợ gốc		Giá trị có khả năng thanh toán		Phát sinh trong năm		Giá trị có khả năng thanh toán	
	VND		VND		Tăng	Giảm	Nợ gốc	VND
Nợ thuế tài chính dài hạn	19.752.040.570		19.752.040.570		12.801.000.000	10.515.537.752	17.466.578.322	17.466.578.322
Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc Tế Việt Nam	19.752.040.570		19.752.040.570		12.801.000.000	10.515.537.752	17.466.578.322	17.466.578.322
Cộng	19.752.040.570		19.752.040.570		12.801.000.000	10.515.537.752	17.466.578.322	17.466.578.322
Trong đó:								
- Số phải trả trong vòng 12 tháng	9.394.872.080		9.394.872.080				6.654.253.583	6.654.253.583
- Số phải trả sau 12 tháng	10.357.168.490		10.357.168.490				10.812.324.739	10.812.324.739

Số dư nợ thuế tài chính dài hạn theo các hợp đồng ký với Công ty TNHH Cho Thuê Tài Chính Quốc Tế Việt Nam với thời hạn thuế từ 3 tới 4 năm, lãi suất thuế từ 8% tới 8,5%/năm. Sau khi kết thúc hợp đồng Công ty sẽ mua lại toàn bộ thiết bị với giá mua lại bằng 0,5% giá thuế ban đầu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

25. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

Các khoản nợ dài hạn do thuế tài chính được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Các khoản tiền thuế tối thiểu		Giá trị hiện tại của các khoản tiền thuế tối	
	31/12/2017	01/01/2017	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND	VND	VND
Các khoản phải trả do thuế tài chính	21.762.322.299	19.494.425.464	19.752.040.570	17.466.578.322
Trong vòng một năm	10.590.504.947	7.792.944.618	9.394.872.080	6.654.253.583
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	11.171.817.352	11.701.480.846	10.357.168.490	10.812.324.739
Sau năm năm	-	-	-	-
Trừ: Các khoản phí tài chính trong tương lai	(2.010.281.729)	(2.027.847.142)	-	-
Giá trị hiện tại của các khoản thuế tài chính phải trả	19.752.040.570	17.466.578.322	19.752.040.570	17.466.578.322
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng			(9.394.872.080)	(6.654.253.583)
Số phải trả sau 12 tháng			10.357.168.490	10.812.324.739

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

26. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2016	400.000.000.000	400.000.000	1.846.985.965	1.261.895.111	403.508.881.076
Tăng vốn trong năm	15.000.000.000	-	-	-	15.000.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	53.457.016.233	53.457.016.233
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	(723.118.446)	(723.118.446)
Thù lao cho Hội đồng quản trị	-	-	-	(350.666.666)	(350.666.666)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(5.800.532.217)	(5.800.532.217)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	4.644.152.124	(4.644.152.124)	-
Tại ngày 01/01/2017	415.000.000.000	400.000.000	6.491.138.089	43.200.441.891	465.091.579.980
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	44.221.718.638	44.221.718.638
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	(41.500.000.000)	(41.500.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(1.636.049.084)	(1.636.049.084)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	64.392.807	(64.392.807)	-
Tại ngày 31/12/2017	415.000.000.000	400.000.000	6.555.530.896	44.221.718.638	466.177.249.534

Trong năm, Công ty đã chia cổ tức và trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế của năm 2016 theo nghị quyết số 17/NQ-DHĐCĐ-CII&C của Đại hội đồng cổ đông ngày 12 tháng 4 năm 2017.

Chi tiết vốn chủ sở hữu

Tên cổ đông	31/12/2017		01/01/2017	
	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật	51,00%	211.651.120.000	49,00%	203.351.120.000
Thành phố Hồ Chí Minh	49,00%	203.348.880.000	51,00%	211.648.880.000
Các cổ đông khác	100%	415.000.000.000	100%	415.000.000.000
Cộng				

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

26. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

Cổ phần	31/12/2017	01/01/2017
	Cổ phần	Cổ phần
Số lượng cổ phần đăng ký phát hành	41.500.000	41.500.000
Số lượng cổ phần đã phát hành ra công chúng	41.500.000	41.500.000
+ Cổ phần phổ thông	41.500.000	41.500.000
Số lượng cổ phần đã mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
+ Cổ phần phổ thông	-	-
Số lượng cổ phần đang lưu hành	41.500.000	41.500.000
+ Cổ phần phổ thông	41.500.000	41.500.000
Mệnh giá cổ phần: 10.000 VND/cổ phần		

27. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2017	2016
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu từ hoạt động xây dựng	465.223.877.264	725.491.757.059
Doanh thu bán hàng	60.087.697.461	47.912.656.864
Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	17.413.912.105	16.351.316.026
Cộng	542.725.486.830	789.755.729.949
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Hàng bán trả lại	-	-
Doanh thu thuần	542.725.486.830	789.755.729.949
<i>Trong đó: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ phát sinh là các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 36 - Bên liên quan)</i>	<i>487.275.935.017</i>	<i>721.052.413.286</i>

28. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	2017	2016
	VND	VND
Giá vốn hoạt động xây dựng	385.806.298.432	653.361.195.422
Giá vốn hàng đã bán	54.150.989.551	35.199.360.995
Giá vốn của dịch vụ	8.357.749.062	13.238.786.948
Cộng	448.315.037.045	701.799.343.365

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

29. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2017 VND	2016 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	35.078.616.262	26.569.721.374
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.230.088.706	3.670.474.417
Lãi phát sinh từ khoản ứng vốn cho nhà thầu thi công	7.500.000.000	-
Lợi nhuận được chia từ hợp đồng hợp tác đầu tư chứng khoán	-	4.619.417.000
Lãi từ chuyển nhượng các khoản đầu tư tài chính	-	2.487.443.149
Cộng	44.808.704.968	37.347.055.940
<i>Trong đó: Doanh thu tài chính phát sinh là các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 36 - Bên liên quan)</i>	<i>35.881.068.461</i>	<i>6.200.503.550</i>

30. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2017 VND	2016 VND
Chi phí lãi vay	55.139.101.732	35.558.255.148
Lãi phải trả nợ thuê tài chính	1.887.775.743	1.129.279.363
Cộng	57.026.877.475	36.687.534.511
<i>Trong đó: Chi phí tài chính phát sinh là các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 36 - Bên liên quan)</i>	<i>13.695.387.514</i>	<i>2.824.029.133</i>

31. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	2017 VND	2016 VND
Chi phí nhân viên quản lý	13.754.092.444	13.064.317.869
Chi phí đồ dùng văn phòng	200.215.437	142.926.234
Chi phí khấu hao	1.146.058.567	624.227.169
Chi phí công tác, tiếp khách	1.607.251.668	2.304.513.696
Chi phí dự phòng	831.348.988	886.930.480
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.791.299.660	4.230.731.798
Chi phí bằng tiền khác	178.870.000	617.326.526
Cộng	25.509.136.764	21.870.973.772

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

32. THU NHẬP KHÁC

	2017 VND	2016 VND
Thu nhập từ thanh lý Tài sản cố định	-	1.230.482.356
Thu nhập khác	163.119.657	31.820.330
Cộng	163.119.657	1.262.302.686

33. CHI PHÍ KHÁC

	2017 VND	2016 VND
Các khoản truy thu và phạt hành chính về thuế	552.824.081	1.593.165.531
Thanh lý tài sản cố định	88.837.952	-
Các khoản phạt hành chính khác	87.119.578	65.815.710
Hoàn nhập khoản phạt trong năm trước	-	(279.305.771)
Các khoản chi phí khác không liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh	53.854.630	-
Cộng	782.636.241	1.379.675.470

34. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	2017 VND	2016 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	56.063.623.930	66.627.561.457
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Chi phí không được trừ	1.994.595.516	2.192.314.573
Cổ tức, lợi nhuận được chia	(2.230.088.706)	(8.569.197.188)
Thu nhập chịu thuế	55.828.130.740	60.250.678.842
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thuế TNDN phải nộp	11.165.626.148	12.050.135.768
Thuế TNDN năm trước nộp bổ sung	676.279.144	1.120.409.456
Chi phí thuế TNDN hiện hành	11.841.905.292	13.170.545.224

35. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2017 VND	2016 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	260.423.598.399	296.473.354.142
Chi phí nhân công	41.831.267.702	36.579.369.935
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.582.019.462	5.421.629.152
Chi phí dịch vụ mua ngoài	300.424.020.506	325.530.497.071
Chi phí bằng tiền khác	6.037.888.516	1.698.799.206
Cộng	615.298.794.585	665.703.649.506

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

36. NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan:

Tên	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh ("CII")	Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi (NQN")	Công ty con
Công ty TNHH MTV Xây dựng Dân dụng CII E&C ("CII E&C-CC")	Công ty con
Công ty TNHH MTV Vật liệu Xây dựng CII E&C ("CII E&C-BM")	Công ty con
Công ty Cổ phần Cơ khí Điện Lữ Gia ("LGC")	Công ty con
Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn ("SII")	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV BOT Tỉnh Ninh Thuận	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây Dựng Ninh Thuận	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII ("CII B&R")	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Đầu Tư Hạ Tầng VRG	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu Sài Gòn	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Dịch Vụ Hạ Tầng CII	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	Công ty trong cùng tập đoàn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

36. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	2017 VND	2016 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm: <i>Khối lượng thi công gói xây lắp 2 thuộc dự án Thủ Thiêm</i>	241.722.893.448	44.562.000.065
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội: <i>Khối lượng thi công xây lắp các gói thầu dự án mở rộng Xa lộ Hà Nội</i>	96.599.852.788	124.125.347.052
Công ty TNHH MTV BOT Tỉnh Ninh Thuận: <i>Khối lượng thi công công trình mở rộng tuyến tránh Phan Rang Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận - giai đoạn 2 và Khối lượng thi công công trình Trạm thu phí Cà ná</i>	35.560.282.740	153.829.416.261
Công ty TNHH MTV Xây dựng Dân dụng CII E&C: <i>Doanh thu cho thuê thiết bị và bán vật tư</i>	33.359.596.847	-
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu: <i>Khối lượng thi công dự án QL 60</i>	30.514.784.532	-
Công ty Đầu tư Hạ tầng VRG: <i>Khối lượng thi công xây lắp công trình DT 741 và duy tu hệ thống chiếu sáng DT 741</i>	25.129.122.424	-
Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn: <i>Khối lượng thi công các gói thuộc dự án nhà máy nước Củ Chi</i>	19.090.874.968	127.830.886.764
Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi: <i>Doanh thu thi công, xây lắp; doanh thu cho thuê thiết bị và doanh thu khác</i>	2.714.981.818	20.942.410.001
Công ty TNHH MTV Vật liệu Xây dựng CII E&C: <i>Doanh thu cho thuê thiết bị và doanh thu bán vật tư</i>	2.536.909.089	6.420.904.512
Công ty Cổ phần Cơ khí Điện Lữ Gia: <i>Doanh thu cho thuê thiết bị</i>	46.636.363	-
CII: <i>Khối lượng thi công các đợt thuộc dự án Thủ Thiêm</i>	-	243.341.448.631
Cộng	487.275.935.017	721.052.413.286
Doanh thu tài chính		
CII: <i>Lãi phát sinh từ hoạt động hỗ trợ vốn</i>	25.704.823.129	2.824.029.133
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội: <i>Lãi trái phiếu</i>	7.566.666.667	-
Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi: <i>Cổ tức và lợi nhuận được chia</i>	1.155.480.787	3.376.474.417
Công ty TNHH MTV Vật liệu Xây dựng CII E&C: <i>Cổ tức và lợi nhuận được chia</i>	526.066.695	-
Công ty TNHH MTV Xây dựng Dân dụng CII E&C: <i>Cổ tức và lợi nhuận được chia</i>	928.031.183	-
Cộng	35.881.068.461	6.200.503.550

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

36. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

	2017 VND	2016 VND
Chi phí tài chính		
CII: Chi phí phát sinh từ hoạt động hỗ trợ vốn	13.695.387.514	2.824.029.133
Giao dịch khác		
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh		
Nhận hỗ trợ vốn hợp tác đầu tư thi công dự án	787.500.000.000	741.900.000.000
Hoàn trả vốn hợp tác đầu tư thi công dự án	578.661.720.309	851.393.706.786
Trả chi phí sử dụng vốn các theo hợp đồng hợp đồng hợp tác đầu tư	8.688.279.691	14.849.548.421
Hỗ trợ vốn hợp tác đầu tư theo hợp đồng 41/2016	247.000.000.000	260.369.004.831
Nhận lại khoản hỗ trợ vốn hợp tác đầu tư theo hợp đồng 41/2016	15.583.188.649	68.296.016.485
Thu chi phí sử dụng vốn theo hợp đồng 41/2016	10.416.811.351	2.703.983.515
Trích cổ tức phải trả cho chủ sở hữu	21.165.112.000	717.817.241
Chuyển tiền cổ tức	-	92.453.719.590
Nhận vốn thi công dự án Thủ Thiêm	1.028.837.608	181.464.045.114
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	-	-
Thu tiền khối lượng thi công xây lắp các gói thầu dự án mở rộng Xa Lộ Hà Nội	345.102.548.927	115.742.122.308
Chuyển trả lại tiền thi công gói thầu 5A do tạm ứng dự	1.274.859.912	
Mua trái phiếu	120.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV BOT Tỉnh Ninh Thuận:	-	
Thu tiền khối lượng thi công công trình mở rộng Quốc lộ 1A và trạm thu phí Cà Ná	10.918.582.259	208.666.331.896
Chuyển tiền thực hiện công trình Trạm thu phí Cà Ná	-	1.071.452.705
Thu tiền khối lượng thi công trạm thu phí Cà Ná	11.664.162.490	18.455.590.185
Nhận nợ tạm ứng của các công ty liên doanh	-	9.885.294.622
Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn:	-	
Thu tiền khối lượng thi công dự án Củ Chi	94.620.035.721	33.263.698.670
Chuyển trả tiền khối lượng thi công dự án Củ Chi theo quyết toán giai đoạn I	-	11.578.561.026
Chi phí súc xả khử trùng tuyến ống	466.028.036	1.515.762.105
Chuyển trả tiền súc xả khử trùng tuyến ống	500.054.128	1.584.660.383
Chi phí khắc phục sự cố	-	11.675.455
Thanh toán tiền khắc phục sự cố	12.843.000	-
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm		
Thu tiền thi công dự án Thủ Thiêm	222.082.075.861	-
Công ty Đầu tư Hạ tầng VRG:		
Thu tiền thi công dự án DT 741	22.479.763.211	3.500.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

36. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

	2017 VND	2016 VND
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu		
<i>Thu tiền thi công dự án QL60</i>	55.353.808.993	-
Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi:		
<i>Ứng trước tiền mua đá Granite</i>	10.500.000.000	46.251.960.000
<i>Công ty con hoàn trả lại tiền ứng mua đá Granite theo hợp đồng 95/HĐKT</i>	-	14.151.960.000
<i>Nhập kho đá granite</i>	2.287.279.674	22.349.282.908
<i>Doanh thu cấp phát bảo hộ lao động</i>	-	31.818.182
<i>Thu tiền lợi nhuận được chia từ công ty con</i>	-	4.095.387.605
<i>Thu tiền thi công bốc tăng phủ và cho thuê thiết bị</i>	1.890.000.000	22.161.651.000
<i>Chi hộ tiền bảo hiểm sức khỏe</i>	10.010.814	
<i>Mua tài sản cố định từ công ty con</i>	-	1.045.454.545
Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII:		
<i>Thu lại cổ tức được nhận từ khoản đầu tư công ty con</i>	-	7.800.000.000
Công ty TNHH MTV Vật liệu Xây dựng CII E&C:		
<i>Tạm ứng tiền mua vật tư</i>	215.517.500.837	212.825.827.916
<i>Chuyển tiền mua vật tư</i>	351.857.512.546	-
<i>Công ty con hoàn trả lại tiền</i>	307.842.667.444	205.077.827.916
<i>Nhập kho vật tư</i>	194.161.574.116	17.490.048.114
<i>Thu tiền cho thuê thiết bị</i>	1.790.600.000	1.000.000.000
<i>Thu tiền điện nước đã chi hộ</i>	111.961.710	
<i>Công ty con nhận nợ các công ty và Ban quản lý dự án</i>	417.047.548	62.800.000.000
<i>Thu tiền bán vật tư</i>	2.958.994.963	-
<i>Bán tài sản cho công ty con</i>		4.163.636.365
<i>Thu tiền bán tài sản cho công ty con</i>		8.684.000.000
Công ty TNHH MTV Xây dựng Dân dụng CII E&C:		
<i>Tạm ứng chi phí thi công</i>	91.413.983.703	51.399.000.000
<i>Hoàn trả lại vốn thi công</i>	118.000.000.000	42.500.000.000
<i>Mua tài sản cố định và công cụ dụng cụ trong năm</i>	114.600.000	-
<i>Chuyển tiền tạm ứng thi công</i>	168.907.869.200	-
<i>Nhận lại tiền tạm ứng thi công</i>	162.307.869.200	-
<i>Thu nhập từ thanh lý tài sản</i>	1.033.370.183	-
<i>Chi phí thi công lô 3.1 dự án Thủ Thiêm</i>	99.816.404.638	-
<i>Chi hộ phí bảo hiểm sức khỏe</i>	30.032.442	
<i>Công ty con nhận nợ các công ty và Ban quản lý dự án</i>		65.999.875.000
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro:		
<i>Thanh toán tiền mua ống và phụ kiện</i>	17.528.305.086	22.941.636.342
<i>Thu lại tiền mua ống và phụ kiện</i>	-	3.766.997.830
<i>Nhập kho ống và phụ kiện</i>	9.113.274.960	29.041.217.247

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

36. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

	2017 VND	2016 VND
Công ty Cổ phần Cơ khí Điện Lữ Gia:		
Chi phí di dời trạm thu phí	5.096.807.035	16.641.464.545
Thu tiền cho thuê thiết bị	51.300.000	
Tạm ứng vốn thi công	-	18.939.576.380
Lợi nhuận được chia	15.000.000.000	-
Chi hộ phí bảo hiểm sức khỏe	30.032.442	-
Thu tiền phí bảo hiểm sức khỏe đã chi hộ	30.032.442	-
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII:		
Thanh toán tiền thi công	46.500.000	364.556.245
Chi phí thi công sơn đường, vệ sinh mặt đường	315.313.636	316.414.768

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán:

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
Công ty TNHH MTV Xây dựng Dân Dụng CII E&C	37.832.263.735	-
Công ty TNHH MTV BỐT Tỉnh Ninh Thuận	17.199.603.370	666.037.105
Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi	1.936.480.000	840.000.000
Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG	1.662.271.455	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Và Phát triển Xây Dựng Ninh Thuận	1.280.288.994	1.280.288.994
Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu Sài Gòn	475.696.190	475.696.190
CII	11.332.527	-
Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn	-	73.620.073.257
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	-	49.018.200.071
Công ty TNHH MTV Vật liệu Xây dựng CII E&C	-	1.958.994.963
Cộng	60.397.936.271	127.859.290.580
Trả trước cho người bán ngắn hạn		
Công ty TNHH MTV Vật liệu Xây dựng CII E&C	97.680.609.040	51.308.947.077
Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi	28.912.262.655	20.928.270.297
Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII	35.550.000	35.550.000
Công ty TNHH MTV Xây dựng Dân dụng CII E&C	-	74.898.875.000
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	-	16.500.000
Công ty Cổ phần Cơ Khí Điện Lữ Gia	-	2.553.351.450
Cộng	126.628.421.695	149.741.493.824
Phải thu về cho vay ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh	197.574.190.058	175.070.876.025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

36. NGHIỆP VỤ VÀ SỔ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Phải thu khác		
Cổ tức phải thu LGC	15.000.000.000	-
Phải thu về lợi nhuận được chia và các khoản chi hộ NQN	3.631.211.135	2.576.474.417
Phải thu về lợi nhuận được chia và các khoản chi hộ CII E&C - CC	958.063.625	-
Lợi nhuận phải thu CII E&C - BM	526.066.695	-
Lãi phải thu CII từ hoạt động hợp tác đầu tư	10.356.121.582	-
Lãi trái phiếu phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa Lộ Hà Nội	7.566.666.667	-
Ứng trước cho CII B&R để mua cổ phần của LGC	-	78.000.000.000
Cộng		
Phải trả người bán		
Công ty TNHH MTV Xây dựng Dân dụng CII E&C	55.011.246.399	-
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro	5.000.000.000	12.503.702.630
Công ty Cổ phần Cơ Khí Điện Lữ Gia	3.053.136.287	-
Công ty TNHH MTV Dịch Vụ Hạ Tầng CII	273.845.000	-
Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn	-	12.843.000
Cộng	63.338.227.686	12.516.545.630
Người mua trả tiền trước ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Đầu tư Và Xây dựng Xa Lộ Hà Nội	241.075.263.282	3.507.412.334
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	21.985.982.226	-
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	21.787.546.006	-
Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG	-	3.500.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP.HCM	-	113.777.119.094
Cộng	284.848.791.514	120.784.531.428
Phải trả ngắn hạn khác		
Phải trả các khoản thu hộ cho Công ty TNHH MTV Vật liệu Xây dựng CII E&C	91.943.497	-
Cổ tức phải trả CII	21.165.112.000	-
Cộng	21.257.055.497	-

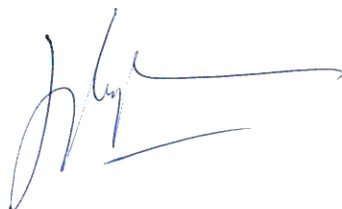
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

36. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Thu nhập Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

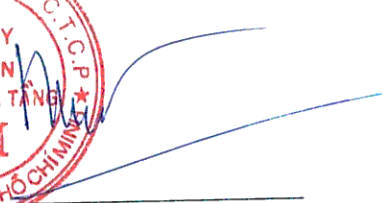
	2017 VND	2016 VND
Lương và thưởng	2.126.593.102	2.378.590.856



Nguyễn Thị Khánh Phương
Người lập biểu
Ngày 26 tháng 3 năm 2018



Bùi Xuân Phước
Kế toán trưởng



Phùng Văn Hiền
Tổng Giám đốc